

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: *192* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày *04* tháng *4* năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục hồ sơ của Ủy ban Dân tộc năm 2019**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP, ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc

Căn cứ Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Quy chế công tác Văn thư của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND, ngày 27/02/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Ban hành Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của Ủy ban Dân tộc;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hồ sơ của Ủy ban Dân tộc năm 2019

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng, CNUB (để b/c);
- Các TT, PCN;
- Công TTĐT Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, VPUB. *02b*

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Nông Quốc Tuấn**





# ỦY BAN DÂN TỘC

## DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Văn phòng Ủy ban

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
<b>1. Phòng hành chính, thư ký</b>		
01.VP	Hồ sơ sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
02.VP	Tập Báo cáo chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Ủy ban phục vụ giao ban hàng tuần	5 năm
03.VP	Hồ sơ về tổng hợp kết quả thực hiện và kiến nghị Lãnh đạo Ủy ban các nhiệm vụ, các giải pháp cần tập trung chỉ đạo, điều hành	10 năm
04.VP	Hồ sơ về công tác tổ chức, cán bộ và chế độ chính sách đối với công chức và người lao động Văn phòng	20 năm
05.VP	Tập biên bản, file ghi âm các cuộc họp của Lãnh đạo Ủy ban, các buổi làm việc với Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh và tương đương	Vĩnh viễn
06.VP	Hồ sơ về công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Văn phòng	20 năm
07.VP	Hồ sơ về xây dựng kế hoạch tổ chức các Đoàn Lãnh đạo Ủy ban làm việc, chúc tết với địa phương	20 năm
08.VP	Tập Thông báo ý kiến, kết luận của Lãnh đạo Ủy ban tại Hội nghị, cuộc họp, năm 2019	10 năm
09.VP	Hồ sơ về thực hiện trách nhiệm người phát ngôn cơ quan Ủy ban Dân tộc, năm 2019	10 năm
10.VP	Hồ sơ thực hiện công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, tham mưu, đề xuất việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao.	20 năm
11.VP	Kế hoạch công tác, báo cáo của Văn phòng - Năm - Tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
<b>2. Phòng văn thư, lưu trữ</b>		
01.VP	Tập văn bản của cơ quan Trung ương quy định, hướng dẫn về công tác văn thư, lưu trữ, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.VP	Hồ sơ về triển khai thực hiện Đề án 328a/QĐ-UBND ngày 14/06/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban	Vĩnh viễn



	Dân tộc	
03.VP	Hồ sơ về thu thập hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan	Vĩnh viễn
04.VP	Hồ sơ về tổ chức lập hồ sơ hiện hành, năm 2019	10 năm
05.VP	Tập Kế hoạch, Báo cáo của Ủy ban Dân tộc về công tác văn thư, lưu trữ, năm 2019 - Năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 5 năm
06.VP	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi của của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
07.VP	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi của của Văn phòng Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
08.VP	Sổ đăng ký văn bản đến của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
09.VP	Công văn trao đổi về văn thư, lưu trữ của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	10 năm
<b>3. Phòng kiểm soát thủ tục hành chính</b>		
01.VP	Tập văn bản của cơ quan TW về kiểm soát quy định thủ tục hành chính, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.VP	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo ISO	20 năm
03.VP	Hồ sơ về triển khai xây dựng, mở rộng, chuyển đổi và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Vĩnh viễn
04.VP	Hồ sơ về rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
05.VP	Hồ sơ về giải quyết kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục, quy định hành chính của Ủy ban Dân tộc, năm 2019.	Vĩnh viễn
06.VP	Hồ sơ về kiểm tra thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
07.VP	Báo cáo về công tác kiểm soát thủ tục hành chính của Ủy ban Dân tộc, năm 2019 - Năm - Tháng quý	Vĩnh viễn 5 năm
08.VP	Tập Công văn trao đổi về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, năm 2019	10 năm
<b>4. Phòng kế toán-tài vụ</b>		
01.VP	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác kế toán năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.VP	Hồ sơ về xây dựng dự toán chi tiết chi ngân sách NN	20 năm



	năm 2019 của Văn phòng quản lý	
03.VP	Hồ sơ thực hiện quản lý kinh phí hoạt động của Ủy ban Dân tộc	20 năm
04.VP	Hồ sơ sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan UBĐT	Vĩnh viễn
05.VP	Tập Báo cáo về công tác kế toán năm 2019 - Năm - Quý tháng	Vĩnh viễn 5 năm
06.VP	Bảng kê thanh toán, năm 2019	20 năm
07.VP	Chứng từ thanh toán chuyên khoản, năm 2019	20 năm
08.VP	Hồ sơ về thanh toán lương và các khoản theo lương cho CBCC	20 năm
09.VP	Phiếu chi, phiếu thu tiền mặt; Ủy nhiệm chi thanh toán chuyên khoản; Chứng từ rút tiền mặt, năm 2019	20 năm
10.VP	Hồ sơ về cấp xăng, dầu, năm 2019	20 năm
11.VP	Hồ sơ về xây dựng dự toán chi ngân sách NN năm 2020 giao Văn phòng quản lý	20 năm
12.VP	Hồ sơ về thực hiện đối chiếu, thanh toán tạm ứng với Kho bạc NN	20 năm
13.VP	Hồ sơ về thuế thu nhập cá nhân, thực hiện quyết toán thuế cho CBCC	20 năm
14.VP	Hồ sơ về thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp cho CBCC	20 năm
15.VP	Phiếu nhập kho, xuất kho vật tư văn phòng; Sổ theo dõi vật tư văn phòng	20 năm
16.VP	Hồ sơ bàn giao và thanh lý, điều chuyển, kiểm kê tài sản của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
17.VP	Công văn trao đổi về công tác kế toán, năm 2019	10 năm
<b>5. Phòng Quản trị-Bảo vệ</b>		
01.VP	Tập văn bản về công tác quản trị gửi đến Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.VP	Hồ sơ về thực hiện vận chuyển tài sản, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị của các vụ, đơn vị về trụ sở mới 349 Đội Cấn	20 năm
03.VP	Hồ sơ về thực hiện Đề án quản lý, vận hành, bảo trì trụ sở UBĐT tại số 349 Đội Cấn	20 năm
04.VP	Hồ sơ xây dựng, ban hành các quy định, quy chế về công tác quản trị, bảo vệ, năm 2019	Vĩnh viễn
05.VP	Hồ sơ về công tác dân quân tự vệ của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
06.VP	Hồ sơ về phòng chống cháy, nổ của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm

07.VP	Hồ sơ về công tác bảo vệ trụ sở Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
08.VP	Sổ sách cấp phát đồ dùng, văn phòng phẩm	20 năm
	Hồ sơ về tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho Cán bộ, công chức, người lao động cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2018, năm 2019	20 năm
09.VP	Tập Công văn trao đổi về công tác quản trị, năm 2019	10 năm
10.VP	Hồ sơ tiếp đón đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế, đại biểu người có úy tín trong vùng dân tộc thiểu số, năm 2019	20 năm
11.VP	Hồ sơ mua sắm văn phòng phẩm, trang thiết bị, tài sản, năm 2019	20 năm
12.VP	Hồ sơ về quản lý hồ sơ về nhà đất trụ sở Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
13.VP	Hồ sơ về quản lý sử dụng điện, nước, điện thoại tại Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
14.VP	Hồ sơ sửa chữa nhỏ các công trình, năm 2019	15 năm
<b>6. Văn phòng Đại diện thành phố Hồ Chí Minh</b>		
01.VP	Tập văn bản về tình hình công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh phía Đông Nam Bộ, năm 2019	20 năm
02.VP	Hồ sơ về kiểm tra tình hình thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh phía Đông Nam Bộ, năm 2019	20 năm
03.VP	Tập văn bản góp ý các chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh phía Đông Nam Bộ, năm 2019	20 năm





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành xây dựng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.BQL	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác xây dựng cơ bản, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.BQL	Kế hoạch, báo cáo công tác đầu tư xây dựng cơ bản, năm 2019 - Năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 5 năm
03.BQL	Hồ sơ công trình xây dựng Trụ sở Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
04.BQL	Hồ sơ thực hiện ủy thác quản lý dự án đầu tư xây dựng Học viện Dân tộc	Vĩnh viễn
05.BQL	Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư dự án Văn phòng đại diện cơ quan Ủy ban Dân tộc tại Thành phố Hồ Chí Minh	Vĩnh viễn
06.BQL	Công văn trao đổi về công tác xây dựng cơ bản, năm 2019	10 năm



## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Kế hoạch Tài chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
<b>1. Hồ sơ về chiến lược, quy hoạch, chương trình công tác, kế hoạch trung hạn, dài hạn, dự án của Ủy ban Dân tộc</b>		
01.KHTC	Hồ sơ về thực hiện Chiến lược công tác dân tộc năm 2019	Vĩnh viễn
02.KHTC	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác quy hoạch, kế hoạch. Năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
03.KHTC	Hồ sơ về việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kế hoạch trung hạn 2016 - 2020, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước năm 2019 của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc	Vĩnh viễn
04.KHTC	Tập công văn trao đổi về công tác quy hoạch	10 năm
05.KHTC	Hồ sơ về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. - Báo cáo năm - Báo cáo tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
06.KHTC	Hồ sơ về đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025	Vĩnh viễn
07.KHTC	Hồ sơ về triển khai thực hiện Dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM" (ADB) và Dự án JICA	Vĩnh viễn
08.KHTC	Hồ sơ về theo dõi tình hình sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế, xã hội vùng DTTS&MN từ các chương trình, chính sách, dự án, vốn đầu tư hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn đầu tư khác do UBND quản lý	Vĩnh viễn
09.KHTC	Tập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển	



	kinh tế - xã hội gửi các quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan - Năm, nhiều năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 5 năm
<b>2. Hồ sơ về thống kê</b>		
10.KHTC	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác thống kê, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
11.KHTC	Hồ sơ về thực hiện báo cáo thống kê	20 năm
12.KHTC	Tập văn bản trao đổi về công tác thống kê	10 năm
13.KHTC	Hồ sơ về thực hiện cuộc điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS theo Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Vĩnh viễn
14.KHTC	Hồ sơ về xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 06/2014/TT-UBDT, ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc	Vĩnh viễn
<b>3. Hồ sơ về kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước</b>		
15.KHTC	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác tài chính, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
16.KHTC	Hồ sơ về xây dựng mô hình tài chính vi mô trong đồng bào dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn
17.KHTC	Hồ sơ về công khai dự toán chi NSNN năm 2019 của UBND	Vĩnh viễn
18.KHTC	Báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2019	Vĩnh viễn
19.KHTC	Báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021	Vĩnh viễn
20.KHTC	Hồ sơ về kế hoạch, dự toán ngân sách năm 2020 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023	Vĩnh viễn
21.KHTC	Hồ sơ về rà soát, điều chỉnh Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước 2019 của UBND	Vĩnh viễn
22.KHTC	Hồ sơ về giao dự toán chi NSNN năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc UBND	Vĩnh viễn
23.KHTC	Hồ sơ về thẩm định, phê duyệt kế hoạch hoạt động, tiếp nhận, phân bổ và sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại (ODA)	Vĩnh viễn
24.KHTC	Hồ sơ về thẩm định kế hoạch mua sắm, sửa chữa, thuê	Vĩnh viễn



	mướn, kế hoạch đấu thầu phục vụ hoạt động và các chương trình, đề tài, dự án do các Vụ, đơn vị trực thuộc UBNDT và các đơn vị khác có sử dụng kinh phí do UBNDT quản lý	
25.KHTC	Hồ sơ về kiểm tra việc thực hiện kế hoạch công tác và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của các Vụ, đơn vị thuộc UBNDT	20 năm
	<b>Hồ sơ về công tác Tài chính, quản lý tài sản công</b>	
26.KHTC	Hồ sơ về kiểm tra, thanh tra tài chính tại Ủy ban Dân tộc và các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 10 năm
27.KHTC	Hồ sơ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
28.KHTC	Hồ sơ kiểm toán tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 10 năm
29.KHTC	Hồ sơ về thực hiện quản lý tài chính đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình có mục tiêu; các chương trình, đề tài, dự án khác và các công trình quan trọng quốc gia do UBNDT quản lý	Vĩnh viễn
30.KHTC	Hồ sơ về xây dựng các quy định, văn bản hướng dẫn các Vụ, đơn vị trực thuộc UBNDT thực hiện các chính sách, chế độ tài chính, kế toán hiện hành, năm 2019	20 năm
31.KHTC	Hồ sơ về thẩm định dự toán kinh phí hoạt động, kinh phí thực hiện các chương trình, đề tài, dự án do các Vụ, đơn vị trực thuộc UBNDT và các đơn vị khác có sử dụng kinh phí do UBNDT quản lý	Vĩnh viễn
32.KHTC	Hồ sơ về kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, kinh phí của các Vụ, đơn vị trực thuộc UBNDT	20 năm
33.KHTC	Hồ sơ về thẩm định quyết toán vốn, kinh phí của các chương trình, đề tài, dự án tài trợ quốc tế của các đơn vị trực thuộc UBNDT	Vĩnh viễn
34.KHTC	Báo cáo quyết toán tài chính của UBNDT	Vĩnh viễn
35.KHTC	Hồ sơ về thẩm định, tổng hợp quyết toán vốn hàng năm các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Vĩnh viễn
36.KHTC	Hồ sơ về công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 và tổng hợp báo cáo quyết toán năm 2018 nguồn kinh phí nhà nước, nguồn viện trợ và các nguồn khác của Ủy ban Dân tộc	Vĩnh viễn
37.KHTC	Hồ sơ về hướng dẫn, đôn đốc, thẩm định các đơn vị sự nghiệp công thuộc Ủy ban Dân tộc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ	05 năm
38.KHTC	Hồ sơ về quản lý tài chính đối với các báo, tạp chí thực	



	<p>hiện theo Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ quyết toán</li> <li>- Chứng từ kế toán sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính (chứng từ kho bạc)</li> </ul>	Vĩnh viễn 10 năm
39.KHTC	<p>Hồ sơ về chuyển nhượng, bàn giao, thanh lý tài sản của cơ quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà đất</li> <li>- Tài sản khác</li> </ul>	Vĩnh viễn 20 năm
40.KHTC	Tập văn bản trao đổi về công tác tài chính	10 năm
41.KHTC	Tập văn bản trao đổi về công tác kế toán	10 năm
42.KHTC	Tập văn bản trao đổi về công tác tài sản	10 năm
43.KHTC	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về quản lý tài sản công, năm 2019	Theo hiệu lực văn bản
44.KHTC	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác kế toán, năm 2019	Theo hiệu lực văn bản
	<b>Hồ sơ về đầu tư, XDCB</b>	
45.KHTC	Hồ sơ về xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phạm vi quản lý của UBND	Vĩnh viễn
46.KHTC	Hồ sơ về tổng hợp, xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư phát triển của UBND, năm 2019	Vĩnh viễn
47.KHTC	Hồ sơ về thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phạm vi quản lý của UBND	Vĩnh viễn
48.KHTC	Hồ sơ về kiểm tra, giám sát, thẩm định quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phạm vi quản lý của UBND	Vĩnh viễn
49.KHTC	Tập văn bản liên quan đến quản lý các công trình xây dựng cơ bản của UBND	20 năm
50.KHTC	Hồ sơ về quản lý, tổ chức triển khai các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn nước ngoài khác về lĩnh vực đầu tư xây dựng theo cam kết của nhà tài trợ với Chính phủ Việt Nam	Vĩnh viễn





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Thanh tra Ủy ban

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.TTr	Tập văn bản của các cơ quan TW về thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; xử phạt vi phạm hành chính, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.TTr	Tập Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo về tình hình thực hiện công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực công tác dân tộc, năm 2019 - Năm, nhiều năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 5 năm
03.TTr	Tập lưu, sổ đăng ký văn bản đi năm 2019 của Thanh tra Ủy ban	Vĩnh viễn
04.TTr	Hồ sơ về thanh tra một số chính sách dân tộc tại tỉnh Tuyên Quang	Vĩnh viễn
05.TTr	Hồ sơ về thanh tra một số chính sách dân tộc tại tỉnh Sơn La	Vĩnh viễn
06.TTr	Hồ sơ về thanh tra một số chính sách dân tộc tại tỉnh Gia Lai	Vĩnh viễn
07.TTr	Hồ sơ về thanh tra một số chính sách dân tộc tại tỉnh Quảng Bình	Vĩnh viễn
08.TTr	Hồ sơ về thanh tra một số chính sách dân tộc tại tỉnh Quảng Trị	Vĩnh viễn
09.TTr	Hồ sơ về thanh tra việc thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng ĐBKK tại Báo Phụ nữ Việt Nam	Vĩnh viễn
10.TTr	Hồ sơ về thanh tra việc thực hiện Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng ĐBKK tại Báo Tài nguyên và Môi trường	Vĩnh viễn
11.TTr	Hồ sơ về thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Văn phòng Ủy ban	15 năm
12.TTr	Hồ sơ về thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Vụ Dân tộc thiểu số	15 năm



13.TTr	Hồ sơ về tổ chức tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực công tác dân tộc - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 15 năm
14.TTr	Hồ sơ về công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng tại Ủy ban Dân tộc và các Vụ, đơn vị, năm 2019 - Báo cáo hàng năm - Quý, 6 tháng	20 năm 5 năm
15.TTr	Tập văn bản trao đổi về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, năm 2019	10 năm
16.TTr	Hồ sơ hội nghị, hội thảo, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc, năm 2019	10 năm
17.TTr	Hồ sơ về thực hiện khôi phục khôi thi đua thanh tra các bộ ngành Khối III	20 năm





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Tổ chức Cán bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBDT, ngày 07 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
<b>1. Hồ sơ về công tác tổ chức bộ máy</b>		
01.TCCB	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức bộ máy, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.TCCB	Hồ sơ về thành lập, đổi tên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sáp nhập, giải thể các phòng, ban và các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
03.TCCB	Tập Kế hoạch, Báo cáo của Ủy ban Dân tộc về công tác tổ chức bộ máy, năm 2019 - Năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 5 năm
04.TCCB	Hồ sơ về đề án sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
05.TCCB	Tập văn bản của các cơ quan trao đổi về công tác tổ chức bộ máy, năm 2019	10 năm
06.TCCB	Hồ sơ về xây dựng khung năng lực vị trí việc làm của các Vụ QLNN, Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Dân tộc	Vĩnh viễn
07.TCCB	Hồ sơ về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập	Vĩnh viễn
<b>2. Hồ sơ về công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương</b>		
08.TCCB	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức cán bộ, chế độ chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
09.TCCB	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban Dân tộc năm 2019	Vĩnh viễn
10.TCCB	Hồ sơ về tổ chức thi tuyển công chức năm 2019	20 năm
11.TCCB	Hồ sơ về bổ sung quy hoạch lãnh đạo cấp Vụ, cấp phòng nhiệm kỳ 2016-2021	Vĩnh viễn
12.TCCB	Tập kế hoạch, báo cáo của Ủy ban Dân tộc về công tác tổ chức cán bộ, năm 2019	



	- Năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 5 năm
13.TCCB	Hồ sơ về bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển, phân công, kỷ luật CBCC của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	70 năm
14.TCCB	Hồ sơ về quy hoạch cán bộ của Ủy ban Dân tộc năm 2019	20 năm
15.TCCB	Hồ sơ về xây dựng và thực hiện chỉ tiêu biên chế của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
16.TCCB	Tập Báo cáo thống kê danh sách, số lượng, chất lượng cán bộ năm 2019	Vĩnh viễn
17.TCCB	Hồ sơ về thực hiện chế độ nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc cho cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	70 năm
18.TCCB	Hồ sơ về việc nâng bậc lương hằng năm đối với cán bộ, công chức của Ủy ban Dân tộc	20 năm
19.TCCB	Hồ sơ về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
20.TCCB	Hồ sơ về thi nâng ngạch, chuyên ngạch, chuyển hạng, thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
21.TCCB	Tập văn bản của các cơ quan trao đổi về công tác tổ chức cán bộ, nâng lương, tiền lương, năm 2019	10 năm
22.TCCB	Hồ sơ tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	10 năm
23.TCCB	Hồ sơ theo dõi và quản lý phép năm của CBCC Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
24.TCCB	Hồ sơ về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, năm 2019	20 năm
25.TCCB	Hồ sơ hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ, năm 2019	20 năm
26.TCCB	Hồ sơ thực hiện cải cách hành chính của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
27.TCCB	Hồ sơ về thực hiện công tác người cao tuổi, năm 2019	20 năm
28.TCCB	Hồ sơ về thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên tại Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
29.TCCB	Hồ sơ về thực hiện công tác an ninh quốc phòng, năm 2019	20 năm
30.TCCB	Hồ sơ về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở	20 năm
31.TCCB	Hồ sơ về thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định 402/QĐ-TTg, 771/QĐ-TTg	20 năm
32.TCCB	Hồ sơ xây dựng Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng,	Vĩnh viễn



	tạo nguồn, bố trí, sử dụng và phát huy đội ngũ cán bộ người DTTS	
33.TCCB	Hồ sơ về tổ chức gặp mặt cán bộ hưu trí UBĐT, năm 2019	20 năm
34.TCCB	Hồ sơ về thực hiện Quy chế của UBĐT về tổ chức tang lễ	20 năm
35.TCCB	Hồ sơ về theo dõi tổ chức và nhân sự của các Ban quản lý Dự án nước ngoài tài trợ cho UBĐT	Vĩnh viễn
36.TCCB	Tập văn bản cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia Ban Chỉ đạo, Tổ biên tập, Tổ công tác liên ngành	20 năm
<b>3. Hồ sơ về công tác thi đua, khen thưởng</b>		
37.TCCB	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng . Năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
38.TCCB	Hồ sơ xây dựng Thông tư sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-UBĐT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc	Vĩnh viễn
39.TCCB	Hồ sơ về phát động phong trào thi đua của Ủy ban Dân tộc; các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân tộc; Ban Dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc TW. Năm 2019	20 năm
40.TCCB	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng, năm 2019	20 năm
41.TCCB	Kế hoạch, báo cáo công tác thi đua khen thưởng, năm 2019: + Dài hạn, hàng năm + 6 tháng, 9 tháng + Quý, tháng	Vĩnh viễn 05 năm
42.TCCB	Hồ sơ khen thưởng cho tập thể, cá nhân, năm 2019: + Khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; + Khen thưởng của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc	Vĩnh viễn 20 năm
43.TCCB	Hồ sơ khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, năm 2019	Vĩnh viễn
44.TCCB	Công văn trao đổi về công tác thi đua, khen thưởng. Năm 2019	10 năm





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Tổng hợp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
<b>1. Tài liệu tổng hợp</b>		
01.TH	Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc, năm 2019: - Hàng năm, nhiều năm - 6 tháng, 9 tháng - Quý, tháng	Vĩnh viễn 20 năm 05 năm
02.TH	Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc của các Bộ ngành, địa phương năm 2019: - Hàng năm, nhiều năm - 6 tháng, 9 tháng - Quý, tháng	Vĩnh viễn 20 năm 05 năm
03.TH	Tập Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc: - Hàng năm, nhiều năm - 6 tháng, 9 tháng - Quý, tháng	Vĩnh viễn 20 năm 05 năm
04.TH	Hồ sơ về xây dựng hệ thống thông tin báo cáo điện tử của Ủy ban Dân tộc	20 năm
05.TH	Hồ sơ về xây dựng đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo của Ủy ban Dân tộc	Vĩnh viễn
06.TH	Hồ sơ xây dựng Thông tư quy định chế độ thông tin báo cáo về công tác dân tộc.	Vĩnh viễn
07.TH	Tập văn bản về giải đáp chính sách cho nhân dân trên Cổng Thông tin Điện tử của Chính phủ	20 năm
08.TH	Tập văn bản, tài liệu của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc	Vĩnh viễn
<b>2. Hồ sơ, tài liệu về khoa học công nghệ</b>		
09.TH	Tập văn bản của các cơ quan TW quy định, hướng dẫn về hoạt động khoa học công nghệ	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
10.TH	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm thông tin khoa học công bố các kết quả nghiên cứu về công tác dân tộc	Vĩnh viễn



11.TH	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ Thường trực hội đồng khoa học Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
12.TH	Hồ sơ về các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, năm 2019	Vĩnh viễn
13.TH	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc và Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2019	Vĩnh viễn
14.TH	Công văn trao đổi về công tác khoa học công nghệ	10 năm
<b>3. Hồ sơ về điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường</b>		
15.TH	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phòng chống tác hại của thuốc lá, năm 2019	10 năm
16.TH	Hồ sơ về thực hiện Dự án mở rộng vệ sinh và nước sạch nông thôn, năm 2019	10 năm
17.TH	Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2019	Vĩnh viễn
18.TH	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2019	Vĩnh viễn
19.TH	Hồ sơ tổ chức lớp tập huấn về công tác bảo vệ môi trường cho cán bộ làm công tác dân tộc các cấp và người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số	10 năm
20.TH	Hồ sơ về tổ chức hoạt động truyền thông hưởng ứng các sự kiện liên quan đến môi trường	10 năm
21.TH	Hồ sơ về xây dựng, duy trì trang tin về môi trường trên cổng thông tin điện tử UBĐT	Vĩnh viễn





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Pháp chế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.PC	Tập văn bản của cơ quan TW quy định, hướng dẫn về công tác pháp chế, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.PC	Hồ sơ về thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật của Đề án đẩy mạnh phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021 theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017	Vĩnh viễn
03.PC	Hồ sơ về nghiên cứu xây dựng Luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2019	Vĩnh viễn
04.PC	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật, năm 2019	20 năm
05.PC	Tập Kế hoạch, Báo cáo công tác pháp chế - Năm - Tháng, quý	Vĩnh viễn 05 năm
06.PC	Hồ sơ thẩm định văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
07.PC	Hồ sơ góp ý văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành, năm 2019	10 năm
08.PC	Hồ sơ về rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, năm 2019 - Dài hạn - Hàng năm	Vĩnh viễn 10 năm
09.PC	Hồ sơ kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2019	Vĩnh viễn
10.PC	Hồ sơ về công tác bồi thường của Nhà nước tại Ủy ban Dân tộc	20 năm
11.PC	Hồ sơ về thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, năm 2019	20 năm



12.PC	Hồ sơ về thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, năm 2019	20 năm
13.PC	Hồ sơ về các vấn đề pháp lý và tham gia tổ tụng của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
14.PC	Hồ sơ về thực hiện dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật, năm 2019	Vĩnh viễn
	Hồ sơ về thực hiện chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư pháp	Vĩnh viễn
15.PC	Hồ sơ tổ chức hội nghị: - Công tác pháp chế - Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật	10 năm
16.PC	Hồ sơ về tổ chức hội thi bằng hình thức sân khấu hóa tìm hiểu chính sách, pháp luật trong thực hiện truyền thông về giảm nghèo	20 năm
17.PC	Hồ sơ về xây dựng và xuất bản, in ấn, phát hành cuốn cẩm nang chính sách, pháp luật về giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi	20 năm
18.PC	Hồ sơ về thực hiện Đề tài “nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc”	Vĩnh viễn





**ỦY BAN DÂN TỘC**

**DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019**

**Đơn vị: Vụ Hợp tác Quốc tế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.HTQT	Tập văn bản của các cơ quan TW về hợp tác quốc tế, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.HTQT	Hồ sơ xây dựng Đề án xây dựng chính sách về phát triển cây Sâm Ngọc Linh phù hợp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Vĩnh viễn
03.HTQT	Hồ sơ xây dựng Đề án xây dựng chính sách kết nối, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp giai đoạn 2021-2025	Vĩnh viễn
04.HTQT	Hồ sơ về xây dựng Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước CERD	Vĩnh viễn
05.HTQT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, năm 2019	Vĩnh viễn
06.HTQT	Hồ sơ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, năm 2019	Vĩnh viễn
07.HTQT	Hồ sơ về hợp tác với Ban Đối tác phát triển bền vững miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2019	Vĩnh viễn
08.HTQT	Hồ sơ về tiếp các tổ chức, cá nhân để ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về công tác dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
09.HTQT	Hồ sơ về triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện các khuyến nghị UPR, năm 2019	Vĩnh viễn
10.HTQT	Hồ sơ về thực hiện công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
11.HTQT	Hồ sơ đoàn vào, năm 2019: - Đón đoàn Bộ phát triển xã hội và an ninh con người Thái lan + Ký kết hợp tác	Vĩnh viễn



	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...</li> <li>- Đón đoàn Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lào:</li> <li>+ Ký kết hợp tác</li> <li>+ Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...</li> <li>- Đón đoàn Bộ Lễ nghi và tôn giáo Campuchia</li> <li>+ Ký kết hợp tác</li> <li>+ Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...</li> </ul>	<p>20 năm</p> <p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p> <p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p>
12.HTQT	<p>Hồ sơ đoàn ra, năm 2019</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn công tác của Lãnh đạo Ủy ban đi Trung Quốc:</li> <li>+ Ký kết hợp tác</li> <li>+ Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...</li> <li>- Đoàn công tác của Lãnh đạo Ủy ban đi Myanmar</li> <li>+ Ký kết hợp tác</li> <li>+ Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...</li> <li>- Đoàn công tác của Lãnh đạo Ủy ban đi Lào</li> <li>+ Ký kết hợp tác</li> <li>+ Hội thảo, triển lãm, học tập, khảo sát...</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p> <p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p> <p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p>
13.HTQT	<p>Hồ sơ về thực hiện công tác nhân quyền, năm 2019</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo năm</li> <li>- Báo cáo tháng, quý</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>05 năm</p>
14.HTQT	<p>Tập văn bản liên quan đến lĩnh vực hội nhập quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan trọng</li> <li>- Thông thường</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p>
15.HTQT	<p>Tập văn bản liên quan đến Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan trọng</li> <li>- Thông thường</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>20 năm</p>
16.HTQT	<p>Hồ sơ về thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại, năm 2019</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo năm</li> <li>- Báo cáo tháng, quý, sơ kết</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>05 năm</p>
17.HTQT	<p>Hồ sơ về tổ chức đón đoàn Ủy ban TWMT Lào xây dựng đất nước và tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa đại biểu dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào DTTS sinh sống dọc tuyến biên giới</p>	<p>Vĩnh viễn</p>
18.HTQT	<p>Hồ sơ về thực hiện các hoạt động hợp tác với Bang Hessen- Đức</p>	<p>Vĩnh viễn</p>
19.HTQT	<p>Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp công tác giữa Ủy ban Dân tộc với Liên hiệp các tổ chức</p>	<p>Vĩnh viễn</p>



	Hữu nghị Việt Nam	
20.HTQT	Hồ sơ về thực hiện hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGOs)	Vĩnh viễn
21.HTQT	Tập công thư, công hàm của các cơ quan, tổ chức nước ngoài, năm 2019 - Quan trọng - Thông thường	Vĩnh viễn 20 năm
22.HTQT	Công văn trao đổi về hợp tác và hội nhập quốc tế, năm 2019	10 năm



## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Chính sách Dân tộc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.CSDT	Tập văn bản về chất vấn và trả lời chất vấn của Bộ trưởng, Chủ nhiệm tại các kỳ họp của QH về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
02.CSDT	Hồ sơ về giải quyết kiến nghị của Cử tri gửi đến Bộ trưởng, Chủ nhiệm sau các kỳ họp của Quốc hội công tác dân tộc, chính sách dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
03.CSDT	Hồ sơ về hoạt động giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn qua các kỳ họp của Quốc hội về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
04.CSDT	Tập văn bản góp ý đối với các chính sách dân tộc của các Bộ, ngành, địa phương, năm 2019	10 năm
05.CSDT	Hồ sơ về xây dựng Đề án Tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030	Vĩnh viễn
06.CSDT	Hồ sơ về xây dựng Đề án Xây dựng bộ tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Vĩnh viễn
07.CSDT	Hồ sơ về xây dựng Nghị định về Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đồng bằng sông Cửu Long	Vĩnh viễn
08.CSDT	Hồ sơ về xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo vùng đồng bằng sông Cửu Long	Vĩnh viễn
09.CSDT	Hồ sơ về tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020, định hướng giai đoạn 2021-2025	Vĩnh viễn
10.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 162/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án “Sắp xếp, ổn định dân cư cho người di cư tự do từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trở về nước”, năm 2019	Vĩnh viễn



11.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2020”, năm 2019	Vĩnh viễn
12.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 – 2020, năm 2019	Vĩnh viễn
13.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015, năm 2019	Vĩnh viễn
14.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 133/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước đã được gia hạn hiệu lực đến ngày 14/11/2019, năm 2019	Vĩnh viễn
15.CSDT	Tập văn bản liên quan đến phát triển và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng thuộc Chương trình REDD+, Nghị định 75/2015/NĐ-CP phân công cho UBNDT - Quan trọng - Thông thường	Vĩnh viễn 20 năm
16.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc và Bộ Y tế, năm 2019	Vĩnh viễn
17.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc và Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2019	Vĩnh viễn
18.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc với Ban Dân vận Trung ương	Vĩnh viễn
19.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp giữa UBNDT với Hội đồng Dân tộc QH	Vĩnh viễn
20.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc với Ban Kinh tế TW	Vĩnh viễn
21.CSDT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phối hợp với TW Hội Nông Dân VN	Vĩnh viễn





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Ban QLDA EMPS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.BQLDA	Kế hoạch thực hiện Dự án "Nâng cao hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển và sáng kiến giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số"	Vĩnh viễn
02.BQLDA	Hồ sơ về tiếp nhận viên trợ và sử dụng nguồn kinh phí của Dự án "Nâng cao hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển và sáng kiến giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số"	Vĩnh viễn
03.BQLDA	Hồ sơ về quản lý tài chính của Dự án "Nâng cao hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển và sáng kiến giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số"	20 năm
04.BQLDA	Hồ sơ về quản lý tài sản của Dự án "Nâng cao hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển và sáng kiến giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số"	20 năm





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Tuyên truyền

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBDT, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.TT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 về việc đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào vùng DTTS&MN giai đoạn 2017 - 2021	Vĩnh viễn
02.TT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn” giai đoạn 2019-2021	Vĩnh viễn
03.TT	Hồ sơ về thực hiện thực hiện Dự án 6: Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống ma túy tại xã, phường, thị trấn thuộc Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống tội phạm và ma túy	Vĩnh viễn
04.TT	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 1860/QĐ-TTg, ngày 23/11/2017 về thí điểm cấp Radio giai đoạn 2017 - 2021.	Vĩnh viễn
05.TT	Hồ sơ về thực hiện Dự án truyền thông giảm nghèo về thông tin cho vùng DTTS và MN thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Dự án 4)	Vĩnh viễn
06.TT	Hồ sơ về thực hiện Dự án 4: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán thuộc chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	Vĩnh viễn
07.TT	Hồ sơ về thực hiện Dự án 6: Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống ma túy tại xã, phường, thị trấn (thuộc CTMT đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, PCCC, phòng chống tội phạm và ma túy)	Vĩnh viễn
08.TT	Hồ sơ về thực hiện công tác tuyên truyền cho các dân tộc thiểu số dọc theo tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 01/6/2018 của Chính phủ	Vĩnh viễn
09.TT	Hồ sơ về thực hiện tuyên truyền công tác dân tộc năm 2019	20 năm



10.TT	Hồ sơ về hoạt động của các cơ quan báo chí thuộc Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
11.TT	Hồ sơ về công tác tuyên truyền trong lĩnh vực công tác dân tộc, năm 2019	20 năm
12.TT	Hồ sơ về thực hiện công tác thông tin đối ngoại của Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
13.TT	Hồ sơ về tổ chức các cuộc thi, hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao liên quan đến phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, năm 2019	20 năm
14.TT	Tập Báo cáo về tình hình an ninh, chính trị, tư tưởng, văn hóa, dư luận xã hội vùng dân tộc thiểu số, năm 2019: - Năm - Tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
15.TT	Hồ sơ về thực hiện Chương trình phòng, chống tệ nạn ma túy, HIV/AIDS và mại dâm của BCDQG	20 năm
16.TT	Hồ sơ về xây dựng phòng Truyền thống Ủy ban Dân tộc, năm 2019	Vĩnh viễn
17.TT	Hồ sơ về tuyên truyền an toàn giao thông ở vùng dân tộc thiểu số, năm 2019	20 năm
18.TT	Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ giúp việc thành viên BCD toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư	20 năm
19.TT	Tập Điểm tin hàng ngày phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban	05 năm
20.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH giữa UBĐT với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	Vĩnh viễn
21.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với Đài Tiếng nói Việt Nam	Vĩnh viễn
22.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với Đài Truyền hình Việt Nam	Vĩnh viễn
23.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với Ủy ban ATGT Quốc gia	Vĩnh viễn
24.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với TƯ ĐTNCSHCM	Vĩnh viễn
25.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với UBTW MTTQ Việt Nam	Vĩnh viễn
26.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với Báo Nhân dân	Vĩnh viễn
27.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với TTX Việt Nam	Vĩnh viễn
28.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch.	Vĩnh viễn
29.TT	Hồ sơ về thực hiện CTPH với Hội Chữ thập đỏ	Vĩnh viễn





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Văn phòng Điều phối Chương trình 135

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.VP135	Hồ sơ về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2019	Vĩnh viễn
02.VP135	Hồ sơ về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, năm 2019	Vĩnh viễn
03.VP135	Hồ sơ xây dựng các văn bản chỉ đạo hướng dẫn quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135, năm 2019	10 năm
04.VP135	Hồ sơ về xây dựng Chương trình 135 giai đoạn 2021 -2025, năm 2019	Vĩnh viễn
05.VP135	Hồ sơ về tổ chức kiểm tra chuyên đề về Chương trình 135 tại địa phương, năm 2019	10 năm
06.VP135	Hồ sơ về tổ chức, thực hiện nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Ailen hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, năm 2019	Vĩnh viễn
07.VP135	Hồ sơ về trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri và các ĐBQH về những vấn đề liên quan đến CT135 và các Chương trình, đề án (Giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới), năm 2019	10 năm
08.VP135	Hồ sơ về phối hợp thực hiện nguồn vốn hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới cho Chương trình 135, năm 2019	Vĩnh viễn
09.VP135	Hồ sơ về thực hiện nguồn vốn hỗ trợ của Ngân hàng thế giới, năm 2019	20 năm
10.VP135	Hồ sơ về rà soát, xác định các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135, năm 2019	Vĩnh viễn
11.VP135	Hồ sơ về tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn thực hiện Chương trình 135, năm 2019	10 năm
12.VP135	Hồ sơ về việc xây dựng và triển khai mô hình giảm nghèo, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các tỉnh thuộc Chương trình 135, năm 2019	10 năm
13.VP135	Hồ sơ về thực hiện dự án "Truyền thông và giảm	10 năm



	nghèo về thông tin" thuộc CT MTQG GNBV giao cho Ủy ban Dân tộc, năm 2019	
14.VP135	Hồ sơ về xây dựng thư viện điện tử "Dấu ấn 20 năm Chương trình 135" trên công thông tin điện tử và trang tin Chương trình 135, năm 2019	Vĩnh viễn
15.VP135	Tập Báo cáo của các tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình 135, năm 2019 - Năm - Tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm



## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Dân tộc thiểu số

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.DTTS	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Vĩnh viễn
02.DTTS	Hồ sơ về thực hiện Đề án tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ III năm 2019	Vĩnh viễn
03.DTTS	Hồ sơ về thực hiện Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025" theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2019	Vĩnh viễn
04.DTTS	Hồ sơ về thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào các dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025" năm 2019	Vĩnh viễn
05.DTTS	Hồ sơ về thực hiện dự án 3: Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới thuộc chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	Vĩnh viễn
06.DTTS	Hồ sơ về xây dựng Đề án "Xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc và xây dựng bảng danh mục thành phần các DTTS Việt Nam", năm 2019	Vĩnh viễn
07.DTTS	Tập Quyết định của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về công nhận người có uy tín, năm 2019	20 năm
08.DTTS	Hồ sơ về thực hiện Quyết định 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tặng cười vải trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số", năm 2019	Vĩnh viễn
09.DTTS	Hồ sơ về xác định thành phần dân tộc, danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam, năm 2019	Vĩnh viễn
10.DTTS	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ thuộc chương trình quốc gia về bình đẳng giới, năm 2019	Vĩnh viễn



11.DTTS	Tập văn bản về công tác người Hoa, năm 2019	Vĩnh viễn
12.DTTS	Hồ sơ về Chương trình phối hợp giữa Ủy ban Dân tộc và Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, năm 2019	Vĩnh viễn
13.DTTS	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ về gia đình vùng dân tộc thiểu số, năm 2019	Vĩnh viễn
14.DTTS	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ về trẻ em vùng dân tộc thiểu số, năm 2019	Vĩnh viễn
15.DTTS	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ về phụ nữ vùng dân tộc thiểu số, năm 2019	Vĩnh viễn
16.DTTS	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ phối hợp với UN Women, năm 2019	Vĩnh viễn
17.DTTS	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ về công tác tôn giáo trong đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2019	Vĩnh viễn
18.DTTS	Hồ sơ về thực hiện Dự án Nâng cao năng lực bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số	Vĩnh viễn



**ỦY BAN DÂN TỘC**

**DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019**

**Đơn vị: Vụ Địa phương I**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.ĐPI	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao”, năm 2019	Vĩnh viễn
02.ĐPI	Hồ sơ về xây dựng Đề án "Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người theo hướng bảo đảm sự phát triển đồng đều, bình đẳng giữa các dân tộc	Vĩnh viễn
03.ĐPI	Hồ sơ về thực hiện Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 – 2025, năm 2019	Vĩnh viễn
04.ĐPI	Hồ sơ về tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 718/QĐ-TTg ngày 15/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án củng cố tăng cường đội ngũ cán bộ dân tộc Mông trong hệ thống chính trị cơ sở các xã địa bàn trọng yếu vùng Tây Bắc giai đoạn 2014-2018. Đề xuất nhiệm vụ xây dựng chính sách thực hiện trong giai đoạn 2021-2025	Vĩnh viễn
05.ĐPI	Hồ sơ về thực hiện nhiệm vụ tham mưu Lãnh đạo Ủy ban là thành viên Ban chỉ đạo quốc gia về bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020	20 năm
06.ĐPI	Hồ sơ về tổ chức Hội nghị giao ban công tác dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc, năm 2019	20 năm
07.ĐPI	Tập Báo cáo về tình hình công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, năm 2019 - Báo cáo năm - Báo cáo tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
08.ĐPI	Hồ sơ về kiểm tra tình hình thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, năm 2019	Vĩnh viễn
09.ĐPI	Báo cáo về tình hình an ninh, chính trị vùng biên giới Việt-Trung, Việt-Lào	



	- Báo cáo năm - Báo cáo tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
10.ĐPI	Tập văn bản góp ý các chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, năm 2019	10 năm



## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Địa phương II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.ĐP.02	Tập văn bản về tình hình thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, năm 2019 - Báo cáo năm - Báo cáo tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
02.ĐP.02	Hồ sơ về kiểm tra tình hình thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, năm 2019	Vĩnh viễn
03.ĐP.02	Tập văn bản góp ý các chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, năm 2019	10 năm
04.ĐP.02	Hồ sơ về thực hiện dự án điều tra cơ bản “Điều tra, khảo sát tình hình đăng ký hộ khẩu của đồng bào DTTS phía Bắc di cư vào các tỉnh Tây Nguyên từ năm 1995 đến nay và đề xuất hướng giải quyết”	Vĩnh viễn
05.ĐP.02	Hồ sơ về tổ chức Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Vụ Địa phương II	20 năm
06.ĐP.02	Tập văn bản về giải quyết các kiến nghị của công dân liên quan đến công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, năm 2019 - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 15 năm
07.ĐP.02	Hồ sơ về thực hiện các đề tài nghiên cứu, khoa học về các hoạt động sự nghiệp về bảo vệ môi trường, năm 2019	Vĩnh viễn
08.ĐP.02	Hồ sơ về thực hiện các đề tài nghiên cứu, khoa học về chương trình quốc gia về phòng chống ma túy, năm 2019	Vĩnh viễn
09.ĐP.02	Hồ sơ về thực hiện các đề tài nghiên cứu, khoa học về chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, năm 2019	Vĩnh viễn
10.ĐP.02	Hồ sơ về tổ chức hội nghị giao ban công tác dân tộc	20 năm



	các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, năm 2019	
11.ĐPII	Hồ sơ về tiếp đoàn cán bộ, già làng, người có uy tín trong cộng đồng, năm 2019	20 năm
12.ĐPII	Hồ sơ về tổ chức thăm hỏi các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, thuộc diện chính sách nhân dịp Lễ, tết, gặp rủi ro, hoạn nạn khi gặp thiên tai, năm 2019	20 năm



## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: Vụ Địa phương III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01.ĐP/III	Tập văn bản về tình hình thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Tây Nam Bộ, năm 2019 - Báo cáo năm - Báo cáo tháng, quý, sơ kết	Vĩnh viễn 05 năm
02.ĐP/III	Hồ sơ về kiểm tra tình hình thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Tây Nam Bộ, năm 2019	Vĩnh viễn
03.ĐP/III	Tập văn bản góp ý các chính sách dân tộc trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Tây Nam Bộ, năm 2019	10 năm
04.ĐP/III	Tập văn bản về giải quyết các kiến nghị của công dân liên quan đến công tác dân tộc trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Tây Nam Bộ, năm 2019 - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 15 năm
04.ĐP/III	Hồ sơ về thực hiện các đề tài nghiên cứu, khoa học về các hoạt động sự nghiệp về bảo vệ môi trường, năm 2019	Vĩnh viễn
05.ĐP/III	Hồ sơ về thực hiện các đề tài nghiên cứu, khoa học về chương trình quốc gia về phòng chống ma túy, năm 2019	Vĩnh viễn
06.ĐP/III	Hồ sơ về thực hiện các đề tài nghiên cứu, khoa học về chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, năm 2019	Vĩnh viễn
07.ĐP/III	Hồ sơ về tổ chức hội nghị giao ban công tác dân tộc các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ, năm 2019	20 năm
08.ĐP/III	Hồ sơ về tiếp đoàn cán bộ, già làng, người có uy tín trong cộng đồng, năm 2019	20 năm
09.ĐP/III	Hồ sơ về tổ chức thăm hỏi các tổ chức tôn giáo, chức sắc tôn giáo là người dân tộc thiểu số, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, thuộc diện	20 năm



	chính sách nhân dịp Lễ, tết, gặp rủi ro, hoạn nạn khi gặp thiên tai, năm 2019	
10.ĐP/III	Hồ sơ về tổ chức họp mặt nhân dịp Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer Nam Bộ năm 2019	Vĩnh viễn



**ỦY BAN DÂN TỘC**

**DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019**

**Đơn vị: Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai  
đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
01. VPCT	Hồ sơ về quản lý tài sản của Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020	20 năm
02. VPCT	Hồ sơ về công tác hành chính của Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020	Vĩnh viễn
03. VPCT	Hồ sơ về quản lý tài chính của Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020	Vĩnh viễn
04. VPCT	Hồ sơ về nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020	Vĩnh viễn





## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC HỒ SƠ NĂM 2019

Đơn vị: **Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBDT, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Số, ký hiệu hồ sơ	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản
<b>1. Hồ sơ về công tác đảng</b>		
01.ĐU	Tập văn bản của các cơ quan TW chỉ đạo, hướng dẫn về công tác đảng, năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.ĐU	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, năm 2019	Vĩnh viễn
03.ĐU	Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác Đảng, năm 2019 - Năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 10 năm
04.ĐU	Hồ sơ về thành lập, sáp nhập, công nhận tổ chức Đảng	Vĩnh viễn
05.ĐU	Tập Thông báo kết luận các kỳ họp của Ban Chấp hành Đảng ủy: - Kết luận quan trọng - Kết luận khác	Vĩnh viễn 15 năm
06.ĐU	Hồ sơ về tiếp nhận, bàn giao công tác Đảng	10 năm
07.ĐU	Hồ sơ tổ chức các lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng	10 năm
08.ĐU	Hồ sơ về hoạt động kiểm tra, giám sát, năm 2019	20 năm
09.ĐU	Báo cáo về công tác phát triển đảng viên	Vĩnh viễn
10.ĐU	Báo cáo công tác phát triển Đảng viên	20 năm
11.ĐU	Hồ sơ về phân loại và xét tổ chức đảng, đảng viên trong sạch vững mạnh, năm 2019	70 năm
12.ĐU	Hồ sơ về kiểm điểm, khen thưởng, kỷ luật Đảng viên	70 năm
13.ĐU	Hồ sơ của từng đảng viên	70 năm
14.ĐU	Sổ đăng ký Đảng viên, Đảng phí, sổ ghi biên bản của Đảng ủy cơ quan Ủy ban Dân tộc, năm 2019	20 năm
15.ĐU	Tập Công văn trao đổi về công tác Đảng, năm 2019	10 năm
<b>2. Hồ sơ về công tác của Công đoàn</b>		



01.CĐ	Tập văn bản của các cơ quan TW chỉ đạo, hướng dẫn về công tác công đoàn. Năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.CĐ	Hồ sơ nhiệm kỳ đại hội	Vĩnh viễn
03.CĐ	Hồ sơ về Hội nghị công chức, viên chức của Ủy ban Dân tộc. Năm 2019	20 năm
04.CĐ	Kế hoạch, Báo cáo về hoạt động công đoàn Ủy ban Dân tộc, năm 2019 - Năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 10 năm
05.CĐ	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước, nghị quyết của tổ chức Công đoàn cấp trên, Công đoàn cơ quan	Vĩnh viễn
06.CĐ	Hồ sơ về tổ chức, nhân sự và các hoạt động của tổ chức công đoàn	20 năm
07.CĐ	Hồ sơ chi các ngày lễ lớn, thăm hỏi, trợ cấp	10 năm
08.CĐ	Sổ sách(thu công đoàn phí, theo dõi thu chi Quỹ công đoàn, sổ ghi biên bản)	20 năm
09.CĐ	Tập công văn trao đổi về hoạt động công đoàn, năm 2019	10 năm
10.CĐ	Tài liệu về hoạt động của tổ chức Thanh tra nhân dân của cơ quan: - Báo cáo năm - Tài liệu khác	Vĩnh viễn 05 năm
<b>3. Hồ sơ về công tác của Đoàn thanh niên</b>		
01.ĐTN	Tập văn bản của các cơ quan TW chỉ đạo, hướng dẫn về công tác đoàn thanh niên. Năm 2019	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành
02.ĐTN	Tập Báo cáo về hoạt động Đoàn thanh niên Ủy ban Dân tộc, năm 2019 - Năm, nhiệm kỳ - Tháng, quý, 6 tháng	Vĩnh viễn 10 năm
03.ĐTN	Hồ sơ tổ chức thực hiện các cuộc vận động lớn, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, đoàn thanh niên	Vĩnh viễn
04.ĐTN	Hồ sơ về tổ chức, nhân sự và các hoạt động của Đoàn thanh niên	20 năm
05.ĐTN	Sổ sách(thu, chi Quỹ đoàn, sổ ghi biên bản)	20 năm
06.ĐTN	Hồ sơ nhiệm kỳ Đại hội Đoàn thanh niên	Vĩnh viễn
07.ĐTN	Tập công văn trao đổi về hoạt động đoàn, năm 2019	